TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TUẦN G** TỈNH ĐIỆN B	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 09/2023/HNGĐ-ST
Ngày 01-2-2023
"V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn "

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TUẦN G, TỈNH ĐIỆN B

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Đình H

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lý A Th

Ông Trịnh Quyết Th

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị T, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tuần G, tỉnh Điện B.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuần G tham gia phiên tòa: Bà Vũ Thị M - Kiểm sát viên.

Ngày 01/02/2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tuần G, tỉnh Điện B xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 07/2022/TLST - HNGĐ ngày 05/10/2022 về: *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 11/2022/QĐXXST - HNGĐ ngày 27/12/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 05/2023/QĐST-DS ngày 13/01/2023 của Tòa án nhân dân huyện Tuần G giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Quàng Thị D, sinh năm 1995.

Địa chỉ thường trú: Bản M, xã Mường Th, huyện Tuần G, tỉnh Điện B.

Địa chỉ hiện nay: Bản Co C, xã Ẳng T, huyện Mường A, tỉnh Điện B, vắng mặt có lý do.

2. Bị đơn: Anh Lò Văn Ch, sinh năm 1993

Địa chỉ: Bản M, xã Mường Th, huyện Tuần G, tỉnh Điện B.

Anh Ch vắng mặt lần 2 không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 05/10/2022, bản tự khai, nguyên đơn chị Quàng Thị D trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Lò Văn Ch lấy nhau có tiến hành đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Mường Th, huyện Tuần G, tỉnh Điện B vào ngày 07/4/2016. Hôn nhân là tự nguyện không ai bị lừa dối, ép buộc. Quá trình chung sống hạnh phúc được 04 năm thì phát sinh mâu thuẫn do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống. Anh Ch còn không tu chí làm ăn, không quan tâm đến gia đình vợ con, sử dụng ma túy đem tài sản gia đình đi bán. Chị D đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ tại bản Co C, xã Ẳng T, huyện Mường T từ tháng 2 năm 2021. Từ đó đến nay anh, chị không quan tâm gì đến nhau nữa. Xét thấy tình cảm không còn,

mục đích hôn nhân không đạt được, chị yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với anh Lò Văn Ch.

Về quan hệ con chung: Chị D và anh Ch có 01 con chung: Cháu Lò An H, sinh ngày 27/5/2017, hiện cháu đang ở với chị. Khi ly hôn chị D có nguyện vọng được trực tiếp nuôi cháu H đến tuổi thành niên, không yêu cầu anh Ch cấp dưỡng nuôi con chung.

Về quan hệ tài sản: Tài sản riêng, tài sản chung, nợ phải trả, trả nợ lấy về: chị D không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án ngày 05/10/2022, Tòa án đã tiến hành xác minh nơi cư trú của anh Ch, mặc dù có đăng ký thường trú tại bản M, xã Mường Th song anh Ch đi làm ăn xa, thỉnh thoảng mới về, không báo với địa phương nên địa phương không nắm rõ anh Ch làm gì và cụ thể ở đâu nên không thể tống đạt trực tiếp các văn bản tố tụng cho anh Ch. Tòa án đã tiến hành niêm yết công khai các văn bản tố tụng như thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải theo quy định của pháp luật.

Hết thời hạn 15 ngày kể từ ngày niêm yết các văn bản tố tụng anh Ch vẫn không có mặt nộp văn bản ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu của người khởi kiện. Ngày 09/11/2022, Tòa án đã mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải giữa các đương sự song anh Ch vắng mặt không có lý do, Tòa án đã lập biên bản về sự vắng mặt không có lý do của anh Ch và tiến hành niêm yết thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ theo quy định của pháp luật. Ngày 09/11/2022, chị Quàng Thị D đã có đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải nữa đề nghị Tòa án xét xử vụ án theo đúng quy định của pháp luật.

Ngày 13/01/2022, Tòa án nhân dân huyện Tuần G mở phiên tòa xét xử theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 11/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 27/12/2022 và đã niêm yết theo quy định của pháp luật, anh Ch vắng mặt lần thứ nhất không có lý do, Tòa án đã hoãn phiên tòa theo luật định.

Tại phiên tòa ngày 01/2/2023, tại đơn xin xét xử vắng mặt chị D vẫn giữ nguyên quan điểm như trong đơn khởi kiện, bản tự khai. Anh Lò Văn Ch vắng mặt lần 2 không có lý do.

Ý kiến của Kiểm sát viên về việc tuân theo pháp luật: Về thẩm quyền và trình tự thủ tục Thẩm phán, thư ký Tòa án và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật Tố tụng Dân sự. Về quan điểm giải quyết vụ án: Về quan hệ hôn nhân chấp nhận cho chị Quàng Thị D được ly hôn với anh Lò Văn Ch theo Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình. Về con chung: Căn cứ Điều 81 Luật hôn nhân gia đình: Giao cháu Lò An H, sinh ngày 27/5/2017 cho chị D chăm sóc nuôi dưỡng đến khi thành niên. Anh Ch không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về quan hệ tài sản: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVHQ 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Chị Quàng Thị D là người dân tộc thiểu số sinh sống tại địa bàn kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn, thuộc diện và có đơn xin được miễn án phí, đề nghị HĐXX miễn án phí dân sự sơ thẩm cho chị Quàng Thị D.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Căn cứ nội dung đơn khởi kiện, các tài liệu chứng cứ kèm theo và địa chỉ của các đương sự, Tòa án xác định đây là vụ án: *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"* thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tuần G theo khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố Tụng dân sự.

[2]. Về pháp luật áp dụng để giải quyết vụ án: Chị Quàng Thị D và anh Lò Văn Ch kết hôn ngày 07/4/2016, đến thời điểm giải quyết, Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 đang có hiệu lực, do vậy Tòa án sẽ áp dụng các quy định của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 để giải quyết.

[3] Về việc hoãn phiên tòa: Ngày 13/01/2023, Tòa án nhân dân huyện Tuần G đã tiến hành mở phiên tòa xét xử vụ án song nguyên đơn và bị đơn vắng mặt không có lý do. Căn cứ Khoản 1 Điều 227, Điều 233, Điều 235 của Bộ luật tố tụng dân sự, HĐXX quyết định hoãn phiên tòa.

[4] Về quan hệ hôn nhân: Chị D và anh Ch lấy nhau có đăng ký kết hôn theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình nên quan hệ hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Quá trình chung sống hạnh phúc được 4 năm, đến năm 2021 qua lời trình bày của chị D do anh Ch sử dụng ma túy không bỏ được và do tính tình không hợp nên đã sinh ra nhiều mâu thuẫn đến tình cảm anh chị không còn nữa, chị đã về nhà bố mẹ đẻ từ tháng 2 năm 2021 cho đến nay, chị D không có quan hệ sinh lý và tình cảm gì với anh Ch.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành các biện pháp xác minh tình trạng hôn nhân, tống đạt đầy đủ các văn bản tố tụng: Thông báo thụ lý vụ án, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa cho anh Ch song anh Ch vẫn không có mặt tại Tòa án để thực hiện các quyền và nghĩa vụ của đương sự theo Điều 70, Điều 72 Bộ luật Tố tụng Dân sự. Anh Ch đã không có ý kiến gì đối với yêu cầu của chị D, vắng mặt tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, vắng mặt tại phiên tòa không có lý do, đã thể hiện ý thức không chấp hành pháp luật, vi phạm các quyền và nghĩa vụ của đương sự theo điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng Dân sự. Anh Ch đã tự từ bỏ các các quyền và không thực hiện nghĩa vụ của mình. Ngày 09/11/2022, Chị D có đơn đề nghị không tiến hành hòa giải lần 2. Vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được theo Điều 207 Bộ Luật Tố tụng dân sự. Theo biên bản xác minh tình trạng hôn nhân ngày 07/10/2022 tại bản M, xã Mường Th, huyện Tuần G thể hiện về nguyên nhân mâu thuẫn do anh D sử dụng ma túy, không quan tâm đến gia đình vợ con, chị D đã bỏ về nhà mẹ đẻ không chung sống cùng anh Ch nữa.

HĐXX xét thấy: Mặc dù anh Ch không có mặt tại Tòa án để thể hiện ý kiến quan điểm của mình về quan hệ hôn nhân, song qua các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, qua quá trình Tòa án thu thập chứng cứ xác minh tình trạng hôn nhân, đủ cơ sở khẳng định nguyên nhân mâu thuẫn do anh Ch sử dụng ma túy khiến hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng là có thật và đúng như lời khai của chị D, Mục đích hôn nhân là vợ chồng gần gũi, thương yêu chăm sóc, quý trọng giúp đỡ lẫn nhau không có, quan hệ hôn nhân đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, việc chị D xin ly hôn với anh Ch cần được chấp nhận theo khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[5] Xét nguyện vọng về con chung: Anh chị có 01 con chung: Cháu Lò An D, sinh ngày 27/5/2017. Chị D có nguyện vọng được trực tiếp nuôi cháu đến tuổi thành niên, không yêu cầu anh Ch cấp dưỡng nuôi con chung, hiện cháu đang ở với chị. Theo lời khai của chị D và theo biên bản xác minh tình trạng hôn nhân thì chị D hiện ở cùng bố mẹ đẻ, thu nhập vừa làm ruộng vừa làm thuê có đủ khả năng nuôi dưỡng con chung, anh Ch là đối tượng nghiện cũng đi làm thuê song thu nhập địa phương không nắm rõ. Do anh Ch không có mặt tại Tòa án để thể hiện quan điểm, nguyện vọng về phần nuôi con chung, anh Ch đã tự từ bỏ các quyền của mình. HĐXX căn cứ vào quyền lợi mọi mặt của cháu H, nguyện vọng và khả năng chăm sóc nuôi dưỡng của chị D. Căn cứ Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình quyết định giao cháu Lò An H, sinh ngày 27/5/2017 cho chị D trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng đến khi thành niên, anh Ch không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

[6]. Về quan hệ tài sản: Tài sản riêng, tài sản chung, nợ phải trả, trả nợ lấy về: Chị Quàng Thị D không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[7]. Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVHQ 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Chị Quàng Thị D là người dân tộc thiểu số sinh sống tại địa bàn kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn, thuộc diện được miễn án phí, có đơn xin miễn án phí, HĐXX miễn án phí dân sự sơ thẩm cho chị Quàng Thị D.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28; Điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228; Điều 238; Điều 271 và Điều 273 Bộ Luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 51; khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân gia đình:

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho nguyên đơn chị Quàng Thị D được ly hôn với bị đơn anh Lò Văn Ch.

2. Về con chung: Giao cháu Lò An H, sinh ngày 27/5/2017 cho chị Quàng Thị D trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng đến khi thành niên, anh Lò Văn Ch không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con không ai được cản trở. Cha mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức quy định tại khoản 5 điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. Về quan hệ tài sản: Tài sản riêng, tài sản chung, nợ phải trả, nợ lấy về: Chị Quàng Thị D không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí DSST: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVHQ 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban

Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho chị Quàng Thị D.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn chị Quàng Thị D, bị đơn anh Lò Văn Ch được quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Điện B;
- VKSND huyện Tuần G;
- Chi cục THADS huyện TG;
- UBND xã Mường Th (Nơi ĐKKH);
- Đương sự;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Lê Đình H

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

THÀNH VIÊN HĐXX

THẨM PHÁN
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA